

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 01-6-2020

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Ngọc Ân.

2. Ông Nguyễn Vĩnh Thạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 01 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1961. (*Có mặt*)

Địa chỉ: Số Y, khu vực H, phường P, quận M, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông **Đinh Thái S**, sinh năm 1957. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Số Y, khu vực H, phường P, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/02/2020 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà và ông Đinh Thái S xây dựng hôn nhân năm 1986, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phước Thới, quận Ô Môn theo quy định. Thời gian đầu bà và ông S chung sống hạnh phúc, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông S bỏ đi làm ăn xa, sau đó không trở về, từ đó đến nay bà không thể liên lạc được với ông S. Bà đã nhiều lần tìm kiếm nhưng vẫn không biết tin tức của ông

S nên bà đã nộp đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố ông S mất tích. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông S.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đinh Nguyễn Thái Ng (sinh năm 1987) và Đinh Nguyễn Thái B (sinh năm 1989) đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn ông Đinh Thái S để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng ông S vắng mặt nhiều lần không có lý do. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 207 và Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn.
- Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị N và ông Đinh Thái S tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn, bà N khởi kiện ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Đinh Thái S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Bà N và ông S chung sống với nhau từ năm 1986, có đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng chung sống hạnh phúc từ khi cưới đến khoảng năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn.

Tại phiên tòa, bà N cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do ông S thường đi làm ở xa, thỉnh thoảng mới về thăm nhà một lần, dần dần tình cảm vợ chồng cũng nhạt nhẽo không còn thiết tha gì với nhau, tình trạng đó kéo dài được khoảng 01 năm, đến năm 2012 thì ông S bỏ đi không quay về nữa. Bà đã nhiều lần tìm kiếm ông S nhưng cho đến nay việc tìm kiếm vẫn không có kết quả. Do ông S bỏ đi đã quá lâu, hiện bà không còn tình cảm với ông S nên bà yêu cầu được ly hôn với ông S.

Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 13/2019/QĐST-VDS ngày 13/12/2019, Tòa án nhân dân quận Ô Môn đã tuyên bố ông Đinh Thái S, sinh năm 1957, nơi cư trú cuối cùng tại số Y, khu vực H, phường P, quận M, thành phố Cần Thơ mất tích. Từ đó cho thấy, yêu cầu ly hôn của bà N là phù hợp quy định tại Khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà N và ông S có 02 người con chung tên Đinh Nguyễn Thái Ng (sinh năm 1987) và Đinh Nguyễn Thái B (sinh năm 1989) đều đã trưởng thành, bà N không có yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do ông S vắng mặt nên chưa xác định được phần tài sản chung và nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết tài sản chung và nợ chung của bà N và ông S. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà N phải nộp số tiền 300.000 đồng theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Đinh Thái S.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Đinh Thái S có 02 con chung tên Đinh Nguyễn Thái Ng (sinh năm 1987) và Đinh Nguyễn Thái B (sinh năm 1989) đã trưởng thành, không giải quyết vấn đề nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải nộp số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), chuyển số tiền 300.000 đồng bà N đã nộp theo biên

lai thu tạm ứng án phí số 010751 ngày 10/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn thành án phí (công nhận bà N đã nộp án phí xong).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- UBND P. Phước Thới;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Trần Thanh Thế